

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **33/2019/DS-ST**
Ngày: 18 -11- 2019
V/v “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi
ngăn cản di dời mồ mã*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**.
2. Bà **Huỳnh Phương Lan**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:
Ông **Lâm Sễn**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
105/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp yêu cầu
chấm dứt hành vi ngăn cản di dời mồ mã*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 49/2019/QĐST-DS, ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu V**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp BL, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà Trần Thị Thu V là
ông **Phù Thanh S**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BL, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Vương Minh T**, sinh năm: 1969. (có mặt)

2.2. Ông **Vương Minh H**, sinh năm: 1961. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp VH, xã VHP, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/04/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu V trình bày:* Nguyên chồng bà là ông Vương Văn Â, sinh năm: 1945 chết năm 2004 trước khi chết thì chồng bà có tâm nguyện chôn cất tại đất nhà ấp BL, xã MH, huyện CT, tỉnh KG nhưng vào thời điểm chồng bà chết thì phần đất của gia đình bà đang trong quy hoạch nên bà mới đem ông Â về phần đất của anh chồng bà là ông Vương Văn A chôn cất với ý định của bà và con bà là nhờ để chờ qua quy hoạch sẽ hốt cốt chồng của bà về đất nhà chôn cất.

Hiện nay phần đất của gia đình bà ổn định bà muốn thực hiện theo nguyện vọng của chồng bà là đem hài cốt của ông Â về đất nhà chôn cất nhưng hai cháu Vương Minh T và ông Vương Minh H ngăn cản không đồng ý cho bà hốt cốt chồng của bà đi về đất nhà chôn cất.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Ông Phù Thanh S người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà Trần Thị Thu V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vương Minh T và ông Vương Minh H không được ngăn cản việc bà V lấy hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn Â về đất nhà của bà để chôn cất.

**** Ông Vương Minh T và ông Vương Minh H là bị đơn cùng có ý kiến trình bày:***

Ông Vương Văn Â là chú ruột của anh em chúng ông lúc ông Â chết thì có chôn cất trên phần đất của gia đình ông, hiện nay do ông Vương Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Thu V yêu cầu anh em ông chấm dứt hành vi ngăn cản việc bà lấy hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn Â về đất nhà của bà để chôn cất thì các ông không đồng ý với lý do chú là ông Vương Văn Â hiện nay là không có người thân bên cạnh chăm sóc mồ mã. Ngoài ra tạm thời để anh em ông chăm sóc khi nào xác định có người thân bên cạnh thì anh em ông sẽ đồng ý cho bà Vân di dời hài cốt. Anh em ông đã chăm sóc khoảng 15 năm nay rồi nên không đồng ý với yêu cầu của bà V.

Tại phiên tòa giải ngày hôm nay: Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Thu V yêu cầu anh em ông chấm dứt hành vi ngăn cản việc bà

lấy hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn Â về đất nhà của bà để chôn cất thì anh em ông không đồng ý.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:** Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa thì HĐXX và đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh KG.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp nguyên đơn Trần Thị Thu V yêu cầu ông Vương Minh T và ông Vương Minh H không được ngăn cản việc bà Vân lấy hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn Â về đất nhà của bà để chôn cất. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản di dời mồ mã*”.

[3] - Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn bà Trần Thị Thu V và bị đơn ông Vương Minh T và ông Vương Minh H thống nhất xác định lúc trước bà Vân có nhờ đất của anh em ông Vương Minh T và ông Vương Minh H để chôn cất phần mộ của chồng bà là ông Vương Văn Â và hiện tại phần mộ của ông Â vẫn còn nằm trên phần đất của ông Vương Minh T. Bà Trần Thị Thu V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vương Minh T và ông Vương Minh H không được ngăn cản việc bà V lấy hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn Â về đất nhà của bà để chôn cất. Bị đơn ông Vương Minh T và ông Vương Minh H không đồng ý với yêu cầu của bà V lý do chủ là ông Vương Văn Â hiện nay là không có người thân bên cạnh chăm sóc mồ mã.

[4] - Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất xác định trên phần đất của ông Vương Minh T và ông Vương Minh H thì có phần mộ của ông Vương Văn Â; Bà V là vợ hợp pháp của ông Vương Văn Â nay bà có nguyện vọng di dời hài cốt của chồng bà là ông

Vương Văn Ân về phần đất nhà của bà để chôn cất và chăm sóc. Xét yêu cầu di dời hài cốt ông Vương Văn Ân là chồng của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V là có căn cứ và phù hợp với phong tục tập quán cũng như truyền thống của người Việt Nam. Việc ông Vương Minh T và ông Vương Minh H đưa ra những lý do trên để ngăn cản bà V di dời hài cốt của chồng mình là không hợp lý, bởi bà V có mối quan hệ là vợ của ông Vương Văn Ân được pháp luật cũng như các bên thừa nhận nên có quyền thăm nom, chăm sóc và quản lý mồ mã của chồng mình là phù hợp với đạo lý cũng như thuần phong, mỹ tục của người Việt nam và đúng theo quy định của tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, buộc bị đơn ông Vương Minh T và ông Vương Minh H phải chấm dứt hành vi cản trở việc bà Trần Thị Thu V di dời hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn Ân.

[5] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Vương Minh T và ông Vương Minh H mỗi người phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009710 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 4, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39;
- Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, Điều 14 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào Điều 18 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu V.

2. Buộc bị đơn ông Vương Minh T và ông Vương Minh H phải chấm dứt hành vi cản trở việc bà Trần Thị Thu V di dời hài cốt của chồng bà là ông Vương Văn Ấ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 18 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009;

Buộc bị đơn ông Vương Minh T và ông Vương Minh H mỗi người phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009710 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Tấn Đầu